

Số: 91 /TB-VKSTC

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2023

THÔNG BÁO

Rút kinh nghiệm về kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính

Thông qua hoạt động kiểm sát việc giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm đối với vụ án hành chính, Viện kiểm sát nhân dân tối cao (Vụ 10) thông báo tới Viện kiểm sát nhân dân cấp cao 1, 2, 3, Viện kiểm sát nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương rút kinh nghiệm trong công tác kiểm sát giải quyết vụ án hành chính về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai*”, giữa người khởi kiện bà ĐTG với người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân (gọi tắt UBND) thành phố TN, tỉnh TN.

I. TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN

Thửa đất của ông NVH, bà TTĐ diện tích 120m² (ngang 6m, dài 20m) có nguồn gốc mua của ông ĐVH, cư trú tổ 9, ấp TTB, P1, thị xã TN, tỉnh TN vào năm 1986. Năm 1987, vợ chồng ông NVH, bà TTĐ định cất thêm một trái nhà trước cửa thì ông ĐMH ở giáp ranh tranh chấp cho rằng phần đất sân trước (khoảng 30m²) là của ông ĐMH.

Ông ĐMH khiếu nại, nên ngày 21/4/1988 UBND thị xã (nay là thành phố) TN ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 143/QĐ-UBND, nội dung chấp nhận phần sân trước nhà bà TTĐ là thuộc quyền sử dụng của bà TTĐ, không chấp nhận khiếu nại của ông ĐMH. Ông ĐMH khiếu nại Quyết định số 143/QĐ-UBND.

Ngày 04/8/1990, UBND thị xã TN cấp Giấy chứng nhận đã đăng ký ruộng đất số 114/ĐKRĐ cho ông NVH, bà TTĐ với diện tích 120m², ấp TTB, P1, thị xã TN và cấp Giấy chứng nhận đã đăng ký ruộng đất số 129/ĐKRĐ cho ông ĐMH (cha của bà ĐTG) diện tích 469m², thửa 787, tờ bản đồ số 2, ấp TTB, P1, thị xã TN.

Ngày 18/12/1992, UBND tỉnh TN ban hành Quyết định số 370/QĐ-UBND, nội dung công nhận Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 21/4/1998; công nhận phần đất tranh chấp trước nhà bà TTĐ diện tích 25m² cho bà TTĐ, ông ĐMH không đồng ý tiếp tục khiếu nại.

Ngày 12/8/2002, Chủ tịch UBND tỉnh TN ban hành Quyết định số 89/QĐ-UBND, nội dung thu hồi các Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 21/4/1998 và số 370/QĐ-UBND ngày 18/12/1992; Quyết định này là quyết định giải quyết khiếu nại cuối

cùng có hiệu lực kể từ ngày ký. Bà TTĐ không đồng ý tiếp tục khiếu nại Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 12/8/2002.

Ngày 04/4/2005, ông ĐMH được UBND thị xã TN cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AC 199228, số vào sổ H 00270/P1, diện tích 428,1m², thửa số 162, tờ bản đồ số 75.

Ngày 25/5/2006, Chủ tịch UBND tỉnh TN ban hành Quyết định số 35/QĐ-UBND với nội dung thu hồi Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 12/8/2002; giữ nguyên các Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 18/12/1992 và số 143/QĐ-UBND ngày 21/4/1998; công nhận phần đất có diện tích 25m² thuộc quyền sử dụng của vợ chồng bà TTĐ. Bà TTĐ tiếp tục khiếu nại Quyết định số 35/QĐ-UBND.

Chủ tịch UBND tỉnh TN tiếp tục ban hành các Quyết định giải quyết khiếu nại số 3096/QĐ-UBND ngày 31/12/2008, số 1533/QĐ-UBND ngày 16/8/2010 và số 2381/QĐ-UBND ngày 20/12/2010.

Ngày 13/6/2012, Chủ tịch UBND thành phố TN ban hành Quyết định cưỡng chế số 403/QĐ-UBND (thi hành Quyết định số 1533/QĐ-UBND ngày 16/8/2010 và số 2381/QĐ-UBND ngày 20/12/2010), nội dung “*Buộc phá bỏ cây trái, vật kiến trúc trong phạm vi 6,3m² và buộc trao trả đất*” cho bà TTĐ.

Ngày 11/01/2019, Chủ tịch UBND thành phố TN tiếp tục ban hành Quyết định cưỡng chế số 47/QĐ-UBND, nội dung “*Buộc gia đình bà ĐTG tháo dỡ công trình kiến trúc, tường rào, mái che trong phạm vi diện tích 6,3m² đất theo đúng Trích lục bản đồ địa chính số 305/SĐ-TL/P1 ngày 27/11/2009 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thị xã TN để giao lại diện tích đất cho vợ chồng bà TTĐ*”.

Bà ĐTG không đồng ý Quyết định cưỡng chế số 47/QĐ-UBND ngày 11/9/2019 của Chủ tịch UBND thành phố TN, nên khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân giải quyết hủy Quyết định cưỡng chế số 47/QĐ-UBND ngày 11/9/2019.

II. QUÁ TRÌNH GIẢI QUYẾT CỦA TÒA ÁN

* Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2021/HC-ST ngày 27/10/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh TN, quyết định:

“Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà ĐTG.

Tuyên hủy các Quyết định hành chính sau đây:

- *Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 21/4/1988 của UBND thị xã TN, tỉnh TN.*
- *Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 18/12/1992 của UBND thị xã TN, tỉnh TN.*
- *Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 12/8/2002 của Chủ tịch UBND tỉnh TN.*
- *Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 25/5/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh TN.*
- *Quyết định số 3096/QĐ-UBND ngày 31/12/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh TN.*
- *Quyết định số 1533/QĐ-UBND ngày 16/8/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh TN.*

- Quyết định số 2381/QĐ-UBND ngày 20/12/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh TN.
- Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 13/6/2012 của Chủ tịch UBND thành phố TN, tỉnh TN.

- Biên bản giao đất sau khi thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực đất đai ngày 28/8/2012.

- Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 của Chủ tịch UBND thành phố TN, tỉnh TN”.

* Bản án phúc thẩm số 733/2022/HC-PT ngày 06/9/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao, quyết định:

“Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà ĐTG. Tuyên hủy các Quyết định hành chính sau đây:

- Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 21/4/1988 của UBND thị xã TN, tỉnh TN.
- Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 18/12/1992 của UBND thị xã TN, tỉnh TN.
- Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 12/8/2002 của Chủ tịch UBND tỉnh TN.
- Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 25/5/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh TN.
- Quyết định số 3096/QĐ-UBND ngày 31/12/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh TN.
- Quyết định số 1533/QĐ-UBND ngày 16/8/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh TN.
- Quyết định số 2381/QĐ-UBND ngày 20/12/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh TN.
- Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 13/6/2012 của Chủ tịch UBND thành phố TN, tỉnh TN.

- Biên bản giao đất sau khi thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực đất đai ngày 28/8/2012.

- Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 của Chủ tịch UBND thành phố TN, tỉnh TN”.

III. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN RÚT KINH NGHIỆM

Đối với Kiểm sát viên khi được phân công kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc giải quyết vụ án hành chính liên quan đến xác định thẩm quyền giải quyết, cần lưu ý một số nội dung như sau:

Ngày 12/8/2002, Chủ tịch UBND tỉnh TN ban hành Quyết định số 89/QĐ-UBND về giải quyết tranh chấp đất giữa ông ĐMH với bà TTĐ, tại Điều 2 Quyết định có ghi “Quyết định này là quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng của Chủ tịch UBND tỉnh TN, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký”.

Điều 46 Luật khiếu nại, tố cáo năm 1998 quy định “Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hết thời hạn giải quyết quy định tại Điều 43 của Luật này mà khiếu nại không được giải quyết hoặc kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại

mà người khiếu nại không đồng ý, thì có quyền tiếp tục khiếu nại đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại tiếp theo, trừ trường hợp quyết định đó là quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng”.

Với quy định nêu trên, người khiếu nại không còn quyền để tiếp tục khiếu nại Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 12/8/2002 của Chủ tịch UBND tỉnh TN đến cơ quan quản lý Nhà nước mà phải khởi kiện vụ án hành chính để yêu cầu Tòa án nhân dân giải quyết.

Tại khoản 1 Điều 136 Luật Đất đai năm 2003 (có hiệu lực từ 01/7/2004) quy định: *“Tranh chấp về quyền sử dụng đất mà đương sự có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc có một trong các giấy tờ quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 của Luật này và tranh chấp về tài sản gắn liền với đất thì do Tòa án nhân dân giải quyết”.*

Điều b khoản 1 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 quy định: *“b) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp...”.*

Như vậy, đối chiếu với Luật khiếu nại và Luật Đất đai như viện dẫn trên thì Chủ tịch UBND tỉnh TN ban hành các quyết định giải quyết tiếp theo là trái thẩm quyền.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TN nhận xét, đánh giá *“Ông ĐMH được UBND thị xã TN cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/5/2005, diện tích 428,1m² thửa số 162, tờ bản đồ số 75, không liên quan đến phần đất tranh chấp, lý do thửa đất tranh chấp là thửa 181, tờ bản đồ 75, nằm ngoài diện tích đất ông ĐMH được cấp.*

Phần đất tranh chấp chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không tranh chấp về tài sản gắn liền với đất không thuộc trường hợp đất đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Điều 136 Luật Đất đai năm 2003, vì vậy thẩm quyền giải quyết thuộc Chủ tịch UBND các cấp”. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TN chỉ xem xét phần diện tích đất tranh chấp không thuộc diện tích đất của ông ĐMH đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để xác định thẩm quyền giải quyết là đánh giá chứng cứ chưa đầy đủ và chính xác. Bởi vì, diện tích tranh chấp 6,3m² chỉ có thể nằm trong phần đất 120m² của gia đình ông NVH, bà TTĐ đã được UBND thị xã TN cấp Giấy chứng nhận đã đăng ký ruộng đất ngày 04/8/1990 hoặc trong phần đất 469m² của gia đình bà ĐTG (con ông ĐMH) đã được UBND thị xã TN cấp Giấy chứng nhận đã đăng ký ruộng đất ngày 04/8/1990, đây là giấy tờ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 50 Luật Đất đai 2003. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TN chưa xem xét, phân tích về thẩm quyền giải quyết sau khi Chủ tịch UBND tỉnh TN ban hành Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 12/8/2002.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TN và Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phân tích, đánh giá chứng cứ chưa đầy đủ và chính xác về thẩm quyền giải quyết theo quy định của Luật Đất đai năm 2003 và Luật khiếu nại, tố cáo năm 1998 cần được rút kinh nghiệm chung, nhằm mục đích phục vụ cho công tác kiểm sát giải quyết án hành chính đạt hiệu quả cao hơn.

Viện kiểm sát nhân dân tối cao (Vụ 10) thông báo rút kinh nghiệm về việc xác định thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai theo quy định của Luật Đất đai năm 2003 trong vụ án hành chính nêu trên đến Viện kiểm sát nhân dân cấp cao 1, 2, 3, Viện kiểm sát nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để tham khảo, vận dụng khi thực hiện chức năng kiểm sát./.

Nơi nhận:

- Đ/c Viện trưởng VKSND tối cao (để b/c);
- Đ/c Nguyễn Duy Giảng – Phó Viện trưởng VKSNC tối cao (để b/c);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao 1, 2, 3;
- Viện kiểm sát nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng VKSTC (Phòng TMTH);
- Lãnh đạo Vụ 10;
- Lưu: VT, Vụ 10. *Nguyễn Tá Cơ*

TL. VIỆN TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG
VỤ KIỂM SÁT VIỆC GIẢI QUYẾT
CÁC VỤ ÁN HÀNH CHÍNH, VỤ VIỆC KINH DOANH,
THƯƠNG MẠI, LAO ĐỘNG VÀ NHỮNG VIỆC KHÁC
THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT
PHÓ VỤ TRƯỞNG



Nguyễn Tá Cơ

